

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 3 - 2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Côn.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Minh Q, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2023, nguyên đơn anh Huỳnh Minh Q trình bày: Vào năm 2013, qua quen biết và tìm hiểu nên giữa anh Q với bị đơn là chị Nguyễn Ngọc H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn; anh chị sống hạnh

phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Do đó, anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa anh Q với chị H có 01 con chung tên Huỳnh Nguyên V, sinh ngày 21/01/2014 hiện nay đang sống với chị H, khi ly hôn anh Q thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn chị Nguyễn Ngọc H đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cháu Huỳnh Nguyên V là con chung giữa anh Q với chị H, do chị H đang nuôi dưỡng, hiện tại không có mặt tại địa phương nên không ghi nhận được ý kiến cháu V.

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất và không thống nhất: Không.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Huỳnh Minh Q với chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn; về con chung tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng, anh Q chưa phải cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét. Án phí đương sự phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Ngọc H có địa chỉ cư trú tại ấp E, xã V, huyện V. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Ngọc H, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; vào ngày 05/3/2024 nguyên đơn anh

Huỳnh Minh Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2013, giữa anh Huỳnh Minh Q với chị Nguyễn Ngọc H xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014, để giải quyết.

[3] Về hôn nhân: Thời điểm anh Q với chị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang thì anh chị đã đủ điều kiện về đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống; theo biên bản xác minh ngày 01/11/2023 được chính quyền địa phương cung cấp: không biết xảy ra mâu thuẫn gì dẫn đến việc ly hôn. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân đã lâu, coi như mẫu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh Q là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa anh Q với chị H có 01 con chung tên Huỳnh Nguyên V, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2014, hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng; quá trình giải quyết vụ án, chị H không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung, cháu V không có mặt ở địa phương nên Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến thể hiện nguyện vọng của cháu V; anh Q tự nguyện giao con chung cho chị H nuôi dưỡng; để ổn định việc học tập và sinh hoạt của cháu V. Do đó, Tòa án tiếp tục giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện, anh Q không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; chị H đang nuôi dưỡng con chung, quá trình giải quyết vụ án chị H vắng mặt tại nơi cư trú, cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về việc cấp dưỡng. Do đó, Tòa án chưa xem xét, sau khi ly hôn nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, chị H có quyền yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong đơn khởi kiện, anh Q khẳng định về nợ chung và tài sản chung: không có, nên không đề cập đến. Trường hợp có phát sinh yêu cầu chia tài sản chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do anh Q là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh Q phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Áp dụng:** các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh Q.

1. *Về hôn nhân:* Cho anh Huỳnh Minh Q với chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao cháu Huỳnh Nguyên V, sinh ngày 21/01/2014 cho chị Nguyễn Ngọc H nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Minh Q chưa phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về nợ chung và tài sản chung:* Không có, nên không đề cập đến.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh Huỳnh Minh Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008265, ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh Q đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vĩnh Trung, h.Vị Thủy-HG  
(nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Hùng**

